

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ 2: BÉ BIẾT GÌ VỀ BẢN THÂN- TẾT TRUNG THU

LỚP MẪU GIÁO GHÉP 4, 5 TUỔI

Thời gian thực hiện chủ đề 4 tuần, từ ngày: 29/09 đến 24/10/2025

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	4	- Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	* 4, 5T: Hô hấp: Thổi nơ - Tay: 2 tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, bụng: Đưa hai tay lên cao cúi gập người. - Chân: ngồi xuống đứng lên.		*Hoạt động học: Thể dục sáng: `Hô hấp: Thổi nơ - Tay: 2 tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, bụng: Đưa hai tay lên cao cúi gập người. - Chân: ngồi xuống đứng lên *Hoạt động chơi Trò chơi: anh em ngón tay, lộn cầu vòng, con muỗi...
2	5	- Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp			
3	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: -BAT liên tục về phía trước - Đi trên ghế thể dục	-BAT liên tục về phía trước - Đi trên ghế thể dục		*Hoạt động học: Thể dục: - N:BAT liên tục về phía trước - L:BAT liên tục vào vòng
4	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: -BAT liên tục vào vòng	-BAT liên tục vào vòng - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát		- N: Đi trên ghế thể dục - L: Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát

		- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát		- N: Trườn theo hướng thẳng L: Trườn kết hợp trèo qua ghế dài (1,5 x 30cm)
9	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Trườn theo hướng thẳng	Trườn theo hướng thẳng	* Hoạt động chơi: ` Trò chơi: Ném bóng vào rổ, Kéo co, chạy tiếp cò
10	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài (1,5 x 30cm)	Trườn kết hợp trèo qua ghế dài (1,5 x 30cm)	
11	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay. ` Gập, mở, các ngón tay.	` Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... ` Gập giấy.	* Hoạt động học: Thẻ dục sáng: - Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
12	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng ngón tay	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.	
13	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình người, nhà, cây. ` Xây dựng lắp ráp với 6-7 khối. ` Biết tết sợi đôi. ` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	Lắp ghép hình ` Gập giấy ` Vẽ hình	* Hoạt động chơi: - Góc xây dựng: ` Lắp ghép bé tập thể dục bằng các nút ghép, lắp ghép tạo thành hình người, ghép các bộ phận trên cơ thể người, xây nông trại... - Góc tạo hình: Vẽ hình bạn trai, bạn gái, vẽ đôi bàn tay, ...
14	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay	` Lắp ráp ` Tô, đồ theo nét.	

		`Vẽ hình `Xếp chồng 8-10 khối theo mẫu. `Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya).		- HĐ chơi ngoài trời: - Dùng phấn vẽ hình người đang tập thể dục...
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
15	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: `Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. `Rau, quả chín có nhiều vitamin.	` Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	* HĐ học: `DDSK: Trò chuyện về 4 nhóm Thực phẩm. - Xem tranh, ảnh, vật thật trò chuyện với trẻ về 1 số thực phẩm quen thuộc: thịt, cá, trứng, sữa, rau,...
16	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: `Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... `Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	- Xem tranh, ảnh, vật thật trò chuyện với trẻ về 1 số thực phẩm quen thuộc: thịt, cá, trứng, sữa, rau,... *HĐ ăn: `Trò chuyện với trẻ hàng ngày:
17	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	* 4,5 tuổi ` Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. ` Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	Được ăn món gì? Chế biến từ thực phẩm nào? Thịt, cá, trứng, rau.. là thực phẩm giàu chất gì? ..
18	5			
19	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	* 4,5 tuổi ` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và chất ` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	*HĐ ăn: ` Trò chuyện về các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Kể về các bữa ăn trong ngày ở trường, ở nhà.
20	5	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống		

		nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		
21	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</li> <li>` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	Tập đánh răng, lau mặt. ' Rèn luyện thao tác rửa tay với xà phòng. ' Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	* HD vệ sinh: - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt, xúc miệng sau khi ăn, sau khi ngủ dậy. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bị bẩn - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội nước cho sạch. * HD ăn: ` Trò chuyện ăn uống văn minh lịch sự: Ăn không để cơm rơi vãi, đổ thức ăn...</li> <li>` Cầm bát, cầm thìa xúc cơm ăn gọn gàng; cầm cốc uống nước.
22	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.</li> <li>` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch ` Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	' Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. ' Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
25	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</li> <li>` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã.	* 4,5 tuổi ` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	* HD học: - Sinh hoạt chiều: Trò chuyện một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống; Trò chuyện về tác hại của việc uống nước lã,
	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong		

26		ăn uống: `Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.</li> <li>`Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		nước chưa đun sôi kỹ, ăn quà vặt ngoài đường. *Hoạt động ăn: Trò chuyện với trẻ về một số hành vi tốt trong ăn uống: ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không đùa nghịch khi ăn, không làm rơi vãi thức ăn, không uống nước lã...
27	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: `Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>`Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... `Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>`Bỏ rác đúng nơi quy định.	* 4, 5 tuổi: `Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</li> <li>`Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản 4T, Nguyên nhân và cách phòng tránh 5T) * 4-5 tuổi: `Lựa chọn/ và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>`Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	hành vi tốt trong ăn uống: ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không đùa nghịch khi ăn, không làm rơi vãi thức ăn, không uống nước lã... *HD học: - Hoạt động chiều: `Trò chuyện, xem tranh ảnh một số hành vi vệ sinh răng miệng, đi dép, giày khi đi học.
28	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: `Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy</li> <li>`Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. `Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</li> <li>`Che miệng khi ho, hắt hơi.		`Nghe kể chuyện: Gấu con bị sâu răng</p> <p>`Trò chuyện xem video một số nguyên nhân bị sâu răng và các phòng tránh `Trò chuyện, xem tranh ảnh tác hại của việc không giữ gìn vệ sinh răng, miệng, thân thể...

				` Trò chuyện về hành vi tốt lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi</p> <p><b>* HD vệ sinh</b></p> <p>` Thực hành:Đánh răng, súc miệng. lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi..
33	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</p> <p>` Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. ` Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	*Hoạt động ăn: Trò chuyện với trẻ về một số hành vi có thể gây nguy hiểm trong ăn uống : Không cười đùa trong khi ăn uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.
34	5	` Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <p>` Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		
38	5	Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	` Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	* HD vệ sinh: - Tự thay, chỉnh

			' Biết chải đầu, vuốt tóc khi tóc rối, chỉnh sửa và giữ gìn quần áo sạch sẽ, gọn gàng hoặc khi được cô giáo nhắc ' Tự thay quần áo khi bị ướt bản đồ vào đúng nơi quy định.	sửa quần áo sau giờ chơi ngoài trời. - Tập chải tóc sau khi ngủ dậy * HĐ Chơi - Góc kỹ năng ` Thực hành kỹ năng sống: Chải tóc đầu tóc, gấp quần áo gọn gàng
--	--	--	---	--

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

40	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng có ở địa phương.	* 4,5 T: ` Chức năng các giác quan và (một số 4T, 5T) bộ phận khác của cơ thể.	* Hoạt động học: ` KPKH: Khám phá các giác quan (5e)</p> <p><b>* HĐ chơi :</b></p> <p>- Trò chơi: Gắn đúng các bộ phận cơ thể</p> <p>- TCM: Đếm các bộ phận trên cơ thể.</p> <p>TCM: Tìm bạn thân.</p> <p><b>- Chơi ngoài trời:</b></p> <p>` Thí nghiệm: vật chìm, vật nổi, sự đổi màu của nước... ` Quan sát cây ban, quan sát cây đu đủ, quan sát cây hoa ồng điệu...</p> <p>` Lao động nhặt
43		Trẻ có thể nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát gần gũi với trẻ.		
48	5	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát về đối tượng gần gũi với trẻ.		
49	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.		
		Trẻ biết phân loại các	` Loại một đối tượng không	

50	5	đối tượng (có ở địa phương) theo những dấu hiệu khác nhau.	cùng nhóm.	lá, nhổ cỏ vườn hoa...chăm sóc chậu hoa trong trường
51		Trẻ có khả năng loại một đối tượng (có ở địa phương) không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.		

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

81	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.		` Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (Phía trước sau, trên dưới).	*Hoạt động học: - N: Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (Phía trước sau, trên dưới).
82	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.		` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác và với một vật nào đó làm chuẩn.(phía phải, phía trái)	L: Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác và với vật làm chuẩn. (Phía trước sau, trên dưới) + <i>Toán</i> - N: Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (Phía phải, phía trái). L: Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác và với vật làm chuẩn. * Hoạt động

					chơi: - Trò chơi: Tìm đồ vật, Những chú chim thông minh, Hãy đứng bên phải, bên trái của tôi. Thi xem ai nhanh.
c. Khám phá xã hội					
85	4	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	` Họ tên, tuổi/ giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (Giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới, công bằng giới...)	* Hoạt động học: `KPIXH: Bé giới thiệu về mình, - Trò chuyện với trẻ về tên, tuổi, giới tính của bản thân.	
86	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Họ tên, ngày sinh giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới, công bằng giới...) và vị trí của trẻ trong gia đình.		
99	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	` Ngày tết trung thu	* HĐ học - Sinh hoạt chiều Trò truyện với trẻ về ngày Tết trung thu * Hoạt động chơi + GTH: Vẽ, xé, dán, nặn bánh, ghép hình *HDC: Trải nghiệm: Làm đèn lồng, làm bánh trung thu	
100		Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.			
101		Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội : Tết trung thu, tết hoa của dân tộc cống			
102	5	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của lễ hội: Tết trung thu, tết hoa của dân tộc cống..			
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					

109		Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; 5T có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu).	* Hoạt động học: + TCTV: - Học từ mới: Bạn trai, bạn gái, váy, Đôi mắt, cái mũi, dầu ăn, mỡ lợn, chất béo - Câu mới: Lớp em có một bạn trai tên bạn là Phú; Bạn gái buộc tóc dài rất xinh; Mẹ mua cho Hà My cái váy rất đẹp. Mỗi người đều có đôi mắt long lanh sáng ngời; Cái mũi dùng để ngửi là cơ quan khứu giác; Dầu ăn, mỡ lợn là nhóm thực phẩm giàu chất béo.....
110	4	Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		
111	5	Trẻ có khả năng kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.		
112		Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.		
113	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng: câu đơn ghép)	* Hoạt động học: - Thơ: Trăng sáng , Bé ơi (- Ca dao đồng dao, hò vè: Nu na nu nống, Tay đẹp, Tay ngoan, chi chi chành chành,.. - Câu đố về chủ đề bản thân
114	5	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau.	
117	4	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao của địa phương, mang đặc trưng của địa phương.	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè của địa phương, mang đặc trưng của địa phương.	
118	5	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao của địa phương, mang đặc trưng của địa phương.		* Hoạt động học: - Thơ: Trăng sáng , Bé ơi (- Ca dao đồng dao, hò vè: Nu na nu nống, Tay đẹp, Tay ngoan, chi chi chành chành,.. - Câu đố về chủ đề bản thân
11		Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..		
120	4	Trẻ biết cách kể lại		* HĐ học:

		truyện có mở đầu và kết thúc.	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.		` Truyện: "Giấc mơ kỳ lạ"
121	5	Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định	` Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự 5T)		* HD chơi: ` Trò chuyện xem tranh ảnh, nghe kể chuyện: "Giấc mơ kỳ lạ" *Trò chơi: Gắn các bộ phận còn thiếu.
139	4	Trẻ nhận dạng 1-3 chữ cái a , ă, â.	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Nhận dạng chữ cái (a,ă,â)		* HD học: - Trò chuyện với trẻ về ký hiệu tử, khăn, cốc, băng bó ngoan, chữ các góc. - LQCC: a, ă, â - Tập tô chữ a,ă,â * HD Chơi: - Góc học tập: Tô, đồ chữ cái: o,ô,ơ, a, ă, â, - Chơi ngoài trời: Ghép các chữ cái bằng hạt, viết phần các chữ cái o,ô,ơ,a,ă,â trên sân - Trò chơi: Tìm chữ ,Về đúng nhà
140	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	
141		Trẻ biết nhận dạng chữ cái a, ă, â trong bảng chữ cái tiếng việt.			
4. Lĩnh vực Phát triển tình cảm- kỹ năng xã hội					
142	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	` Tên, tuổi, giới tính		* HD học: - PTKNXH: Kỹ năng tự bảo vệ bản thân * HĐC
143	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản			

		thân.		` Trò chơi: Ai thông minh, thi xem đội nào nhanh
--	--	-------	--	--

144	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	` Sở thích, khả năng của bản thân.		* HD chơi: -Trẻ tự chọn nhóm chơi ngoài trời, góc chơi, đồ chơi, trò chơi theo ý thích của mình. - So sánh sự giống, khác nhau của mình với người khác: Giới tính,đặc điểm bên ngoài của bản thân trẻ. ` Trò chơi: Bạn là ai. Tìm bạn thân, những điều tôi thích và không thích.
145		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.			
146	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.			
147		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác		
153	4	Trẻ có thể nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	* 4,5 tuổi ` Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.		*Hoạt động chơi: - TCM: tôi vui tôi buồn. - Xem tranh ảnh, trò chuyện với trẻ về một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi... - Biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức
154	5	Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	* 4,5 tuổi` Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (qua tranh ảnh; 5t âm nhạc)		

155	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình	giận.
156	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		
157		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	` Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.		
158		Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	` Khả năng và sở thích của bạn bè và người thân		

5. Lĩnh vực Phát triển thẩm mỹ

189	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	5t: Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)		* HĐ học: - Âm nhạc: Nghe hát: Em là bông hồng nhỏ, Năm ngón tay ngoan ,Chiếc đèn ông sao * Hoạt động chơi.
190	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và		Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	- Trò chơi: Tai ai tinh. - Đồng dao ca dao, tục ngữ về chủ đề: Thằng bòm, Nhớ ơn, đi đâu mà vội mà vàng.

		đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.			
191	4	Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu , lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	‘ 4-5T : Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát ` 4-5T : Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát		*Hoạt động học: + Âm nhạc: ` DH: Rước đèn dưới ánh trăng
192	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu , lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
193	4	Trẻ có thể vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	* 4,5 tuổi ` Vận động theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (5 tuổi nhịp nhàng) ` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. (5t theo tiết tấu)		*Hoạt động học: + Âm nhạc: VĐMH: Tập rửa mặt -VTTTTTC: Mời bạn ăn
194	5	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		Thể hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc	
197	4	Trẻ có kỹ năng vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	` Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)		* Hoạt động chơi: - Góc tạo hình: Vẽ bạn trai, bạn gái, vẽ đồ dùng, đồ chơi của bạn trai, bạn gái.
198	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành			

		bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	- Chơi ngoài trời: Vẽ tự do trên sân
201	4	Trẻ có kỹ năng làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/hình dáng/ đường nét và bố cục.	*Hoạt động học: - Tạo hình: Nặn các loại bánh
202	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	` Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)	

*** Tổng số mục tiêu thực hiện trong chủ đề: 4t: 35 MT ; 5t: 40 MT.**

NGƯỜI LẬP

BAN GIÁM HIỆU
(Ký duyệt)

Lò Thị Tâm

Nguyễn Hồng Vân